

TRIẾT LÝ SỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC TÂY NGUYÊN QUA MỘT SỐ SỬ THI

VŨ THỊ HÀNG NGA*

Như nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định, sử thi Tây Nguyên là “sử thi sống”, nghĩa là nó không chỉ là hiện tượng văn học đã qua, nó còn là một hiện tượng văn hóa đương đại. Vùng sử thi Tây Nguyên đã được xác định trùng khớp hoàn toàn với vùng văn hóa Tây Nguyên. Mỗi sử thi Tây Nguyên là sự tổng hòa trong nội dung và hình thức phương diện nhận thức thẩm mỹ của nhân dân về thực tại cùng các phương diện khác bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội Tây Nguyên, như lịch sử, tín ngưỡng, tâm lý, triết lý, những kiến thức về địa lý, thiên nhiên, những kiến thức về ứng xử trong gia đình, công đồng, v.v..

Điều khó khăn hơn cả đối với việc tiếp cận các sử thi Tây Nguyên là những vấn đề về thực tại khách quan của xã hội, lịch sử, tự nhiên ấy không được phản ánh theo kiểu sao chụp nguyên xi, mà tất thảy đều bị khúc xạ, biến dạng đi bởi quan điểm thẩm mỹ của người Tây Nguyên. Thế giới hình tượng, các sự kiện, những tình tiết trong tác phẩm sử thi đương nhiên bắt nguồn từ thực tại núi rừng, làng buôn Tây Nguyên, nhưng khác hẳn về chất so với nguyên hình của nó tồn tại ngoài thế giới khách quan. Có như vậy thì sử thi Tây Nguyên mới trở thành công trình nghệ thuật với tất cả giá trị độc đáo của nó. Chính cái đặc điểm độc đáo ấy của sử thi Tây Nguyên đòi hỏi người tiếp cận phải đặt nó trong cái nhìn văn hóa. Cùng với cách tiếp cận tác phẩm dưới cái nhìn văn hóa, cách tiếp cận dưới góc độ triết học sẽ giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn giá trị của sử thi Tây Nguyên.

Tại Hội thảo khoa học quốc tế được tổ chức ở Đại học Ateneo de Malina Philipin năm 2004, tác giả của bài viết: “Bí ẩn Châu Á trong tấm gương triết học châu Á” đã khẳng định: “... Từ thời cổ đại cho đến tận ngày nay, những nội dung thuộc về nhân sinh quan trong triết học châu Âu thường được diễn đạt trong khái niệm thế giới quan, là một bộ phận của thế giới quan... Không giống như thế, trong triết học phương Đông, nhân sinh quan là một khái niệm lớn, chiếm vị trí đặc biệt quan trọng... ngang hàng và cùng cấp với thế giới quan”¹. Chúng ta có thể thấy được phần nào điều đó khi nghiên cứu kho tàng lịch sử triết học phương Đông cổ đại. Hầu hết những vấn đề chính trị - xã hội, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo,... là những vấn đề nổi trội. Những tư tưởng triết học ít khi tồn tại dưới dạng triết học thuần túy, mà thường đan xen, ẩn dấu dưới những vấn đề trên. Điều đó, cũng có thể nói, đã làm nên nét đặc trưng cho tư tưởng triết học phương Đông.

Nằm trong dòng chảy văn hóa đó, tư tưởng triết học Việt Nam cũng có “khuyên hướng trội” là vấn đề nhân sinh quan. Ở đây, tác giả xin nói về một số khía cạnh nhân sinh quan trong quan niệm của người Tây Nguyên được thể hiện trong sử thi Tây Nguyên nói riêng.

Cho đến nay, chúng ta chưa thể khẳng định thời điểm ra đời của sử thi Tây Nguyên, cũng như đâu là nơi đầu tiên sản sinh ra thể loại trường ca của các dân tộc Tây Nguyên. Chưa có công trình khoa học nào xác định chắc chắn về những điều này. Kể từ khi bản trường ca của người Êđê “Bài ca chàng Dam San – Klei khan Dam San” do Sabachiê (*L.Sabatier*) - Công sứ Pháp cai trị tại Đắk Lắk - phát hiện ra đầu tiên,

*Trường Cao đẳng sư phạm Kon Tum.

cách nay đã hơn 80 năm. Lịch sử Tây Nguyên cho thấy, trước Cách mạng tháng Tám (1945), các dân tộc ít người ở Tây Nguyên, như Êđê, Gia Rai, Bana,... dường như thuộc về thời kỳ cuối của chế độ Công xã nguyên thủy, lúc mà chế độ này đang trên bước đường tan rã. Ruộng đất, rừng núi, sông suối, v.v. là tài sản chung của cả cộng đồng. Trong xã hội đã có sự phân biệt người giàu và người nghèo. Chiến tranh thường xuyên xảy ra giữa các buôn, plây (làng) bởi các duyên cớ thường là lật vật: một người bị xúc phạm, một nguồn nước bị làm ô uế, một con trâu bị bắt, v.v. và mục đích của chiến tranh được tuyên bố là nhằm trả thù, là để bảo vệ danh dự. Tuy nhiên, đó chỉ là những cái cớ và là những mục đích bề ngoài. Mục đích sâu xa của các cuộc chiến tranh là thu nạp thêm nhân lực để tăng thêm lực lượng sản xuất và chiến binh, chiếm đoạt của cải, mở rộng đất đai. Do vậy, trong sử thi Tây Nguyên không thể hiện sự nổi trội tư tưởng yêu nước hay lòng tự hào dân tộc giống như trong các truyện kể dân gian Việt Nam đã được khai thác.

Ở đây, chúng tôi bước đầu chỉ tập trung khai thác, phân tích các khía cạnh nhân sinh quan trong phạm vi mà các sử thi phản ánh. Đó là, triết lý sống và đạo làm người trong quan niệm của người Tây Nguyên; lý tưởng sống (thông qua lý tưởng của người anh hùng trong sử thi); quan hệ giữa cá nhân và xã hội (thể hiện qua quan hệ giữa cá nhân người anh hùng và cộng đồng); tư tưởng cộng đồng, tư tưởng nhân văn.

Triết lý, theo từ điển tiếng Việt, là quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội. Còn triết lý sống là quan niệm chung của con người về những vấn đề của cuộc sống. Đó là những triết lý mà trải qua hàng thế kỷ người đời sau đã rút ra được từ cuộc sống của người đời trước, như triết lý về cách đối nhân xử thế, về cách nhìn đời, nhìn người. Chúng ta có thể bắt gặp triết lý sống của người Việt xưa bằng bạc trong khắp các thể loại sáng tác dân gian truyền thống, đặc biệt là

trong lớp truyện cổ tích. Người đời sau khi đọc những truyện ấy không chỉ là để giải trí, thưởng thức, mà còn suy xét, ngẫm nghĩ, bởi có những truyện mang triết lý thâm thúy, sâu sắc không thể quên ngay. Đọc sử thi Tây Nguyên, bên cạnh các giá trị nghệ thuật, văn hóa, tín ngưỡng, chúng ta thấy, sử thi còn chứa đựng một triết lý sống sâu sắc, có ý nghĩa đối với riêng các dân tộc Tây Nguyên xưa và nay, và cả người Việt nói chung. Đó là triết lý về đối nhân xử thế, về cách nhìn đời, nhìn người.

Trước hết là triết lý về đối nhân xử thế. Có thể nói, trong cách đối nhân xử thế, người Việt xưa luôn tự răn mình phải biết tôn trọng người khác, đối xử công bằng với mọi người, “thương người như thể thương thân”, và đặc biệt chớ làm điều gì độc ác, “ích mình mà hại người” như cách nói của Không Tử. Tất cả những cách đối nhân xử thế đó đều toát lên tư tưởng hướng thiện, khuyến thiện.

Trong sử thi Tây Nguyên, nổi lên cách đối nhân xử thế qua các quan niệm sống, như “ở hiền gặp lành”, “ở ác gặp ác”, quyết tâm chiến thắng cái xấu và trừng trị cái ác, dù cái ác, cái xấu có mạnh như thế nào chăng nữa. Con người cũng như thần linh luôn đứng về phía người hiền và giúp đỡ người hiền trừng trị cái ác, cái xấu. Hầu hết các sử thi đều phản ánh điều này. Chẳng hạn, trong sử thi *Giông, Giơ mỗ cô từ nhỏ*, chúng ta thấy rất nhiều lần cả thần và người chỉ giúp đỡ những người tốt, người hiền. “Con là người tốt, người ngay, ta phải thương. Nếu như ai khác ta không giúp đâu. Những kẻ nào xấu trên đời này ta không bao giờ giúp. Ta biết và thông cảm với những nỗi khổ của con”². Các dân tộc Tây Nguyên xưa đã sớm dạy con cháu mình “ở hiền gặp lành”: “Con hãy nhớ ở hiền luôn luôn gặp điều tốt lành. Nếu là kẻ ác thì không ai đến giúp đâu...”³. Hoặc, “hỡi các con cháu, chớ động đến hai người kia nhé. Nếu có thể, chúng ta phải giúp đỡ, phải cứu vớt hai anh em đó...”⁴ và khuyến con người tránh làm điều ác: “Hỡi

cha! Hỡi mẹ! Trước khi đi cha mẹ đã nghĩ kỹ chưa? Cha mẹ đi rồi đừng có nghe ai xúi giục đánh người ta vì chúng ta là kẻ có lỗi, thần linh sẽ không phù hộ cho chúng ta. Cha phải nghe lời con. Nếu không, sau này con sẽ biến thành cánh chim bay đi khắp phương trời đó cha. Con sẽ trở thành chim điều cô đơn lẻ loi mà thôi”⁵, bởi người ở ác ắt sẽ gặp dữ, ắt sẽ bị trừng trị. “Không tha thứ ai, không thương tiếc ai... Không bỏ sót ai...đâu nhé. Bởi kẻ nào đã gieo điều ác thì phải trả... Kẻ nào gây oán thì báo oán, có thể thôi”⁶.

Những điều vừa dẫn trên đây thể hiện quan điểm dứt khoát của con người đối với cái ác và đối với người gây ra điều ác. Có thể thấy, đây là một trong những quan niệm thường trực trong các sử thi Tây Nguyên. Không chỉ con người mà ngay cả thần linh cũng luôn đứng về người hiền và giúp đỡ người hiền, để trừng trị cái ác. “Cầu xin thần linh trên trời phù hộ cho chúng ta... Cầu xin yàng gìn giữ, bảo vệ cho hai con, là người tốt, người ngay lành... Đừng phù hộ những kẻ xấu, kẻ ác đứ”⁷. Quan niệm của người Tây Nguyên về triết lý sống “ở hiền gặp lành”, “ở ác gặp ác” rất dứt khoát, rất rõ ràng. Cái ác nhất định phải bị trừng trị. “Giông chém chết Glaih Phang, Giông chặt thân Glaih Phang thành từng khúc, Giông quyết không tha chết cho hắn vì hắn là kẻ xấu xa, độc ác... Hắn không xứng đáng được sống trên thế gian này...”⁸

Triết lý sống trong sử thi Tây Nguyên còn thể hiện ở cách nhìn đời, nhìn người. Điều này biểu hiện ở ý thức tự lực, tự cường, vượt khó vươn lên để chiến thắng kẻ thù, dù kẻ thù có hùng mạnh và tàn bạo như thế nào chăng nữa. Đây là một nhân tố hết sức quan trọng hình thành nên nét đẹp truyền thống của người Việt nói chung và các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, (điều mà sau này khi đọc các tác phẩm văn học nói về Tây Nguyên, như *Rừng xà nu* của tác giả Nguyễn Ngọc, chúng ta cũng thấy rất rõ). Chiến tranh trong sử thi Tây Nguyên, trước hết, đó là những cuộc chiến

tranh giữa con người với con người nhằm giải quyết các mâu thuẫn về quyền lợi và mục đích đối lập nhau. Trong cuộc chiến, thường thì lực lượng có lý tưởng đấu tranh phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử cuối cùng nhất định sẽ giành được thắng lợi trọn vẹn.

Cùng với những cuộc chiến giữa các thế lực con người với nhau, còn biết bao nhiêu cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ giữa con người với tự nhiên vì sự tồn tại và phát triển của con người. Trong quá trình chinh phục tự nhiên, con người trong các sử thi ngoài sức mạnh thể chất và lòng dũng cảm, họ không có bất cứ phương tiện, công cụ tinh xảo nào có thể giúp họ chế ngự những hiểm họa to lớn một cách dễ dàng và hữu hiệu. Sự chiến thắng của họ trước sức mạnh của tự nhiên vì thế cũng oanh liệt và vinh quang không kém gì sự chiến thắng đối với các thế lực thù địch cùng nòi giống. Trong các cuộc chiến ấy có sự đan xen giữa đau thương và vinh quang, chết chóc và hào hùng. Nhưng cao hơn tất cả, đó là ý chí, là nghị lực vượt lên số phận; là thái độ không dễ bằng lòng với cái đang có để vươn đến những hứa hẹn cao đẹp hơn. Rất nhiều sử thi phản ánh điều này, như *Đam Xăn* (dân tộc Êđê), *Giông*, *Giơ mờ cô từ nhỏ* (dân tộc Ba Na), *Đăm Noi* (dân tộc Ba Na), *Khinh Dú*. Chẳng hạn, lời của Nàng Bia Tơ Nong trong sử thi *Giông*, *Giơ mờ cô từ nhỏ*: “Việc anh lên đường sẽ gặp lắm chông gai... Nhưng anh ơi đừng nản lòng, nhụt chí. Nếu anh nản lòng thì cái mà anh tìm kiếm sẽ không gặp”⁹. Hoặc là quyết tâm của Giông trong chiến đấu với kẻ thù dù kẻ thù đó có hùng mạnh: “Được thôi, cho dù bọn ta chỉ là con người bình thường thôi. Được, ai cũng chết chỉ một lần”¹⁰... Cũng trong sử thi *Giông*, *Giơ mờ cô từ nhỏ*, Giông nói với Giơ – em trai mình: “Còn nếu trời muốn diệt dân làng ta thật thì có lẽ anh em ta đã chết hồi còn đi lạc ở trong rừng sâu ấy rồi... Nhưng nay trời còn phù hộ cho ta sống sót và đến được nơi quê hương cát rón này, nên anh không nản lòng và anh nghĩ thế nào sẽ có ngày dân làng ta sẽ hồi sinh”¹¹, “Đừng có nản chí em ơi! Đừng có nản.

Rồi em sẽ thấy thế nào rồi cũng có ai đó giúp bọn mình...”¹². Tương tự như vậy, việc đòi lấy Nữ thần mặt trời về làm vợ của Đam Xăn... đã chứng tỏ điều đó. Trong các sử thi Tây Nguyên, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con người cũng luôn luôn lạc quan, có ý chí mạnh mẽ và niềm tin sắt đá. Đó là những triết lý sống hết sức sâu sắc mà ngay cả ngày nay vẫn còn được lưu giữ trong các dân tộc Tây Nguyên.

Triết lý sống “ở hiền gặp lành”, “ở ác gặp dữ”, cũng như triết lý sống lạc quan, có niềm tin, có ý chí vượt lên số phận, không dễ bằng lòng với cái đang có để vươn đến những hứa hẹn cao đẹp hơn, v.v. đã làm nên sức mạnh của cư dân miền núi. Chính những triết lý sống đó đã giúp cho người Tây Nguyên trong thời đại sử thi tồn tại và chiến thắng với bao khát nghiệt của rừng núi vào thời kỳ nguyên sơ. Đó cũng là vũ khí giúp cho họ có thêm sức mạnh để liên tục đấu tranh với những thế lực khác nhau.

Triết lý sống còn thể hiện ở lý tưởng sống. Lý tưởng sống chính “là khát vọng đối với một số trạng thái nào đó trong tương lai”¹³. Lý tưởng sống có thể là lý tưởng của một mình mình (nhằm đạt được một mục đích hiện thực, một mục đích thực tế nhất định bằng bất cứ thủ đoạn nào). Loại lý tưởng cao cả hơn, đó là lý tưởng của cộng đồng, của nhân loại được gọi là lý tưởng nhân sinh. Lý tưởng này không thỏa mãn với cuộc sống hiện tại, mà luôn luôn hướng về phía trước, hướng đến tương lai. Những người theo đuổi lý tưởng ấy là những người “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”, luôn quan tâm đến cộng đồng, đến toàn thể nhân loại.

Trong sử thi Tây Nguyên, quan niệm về lý tưởng sống được thể hiện qua lý tưởng của người anh hùng. Có thể nói, lý tưởng sống, ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp, giàu có của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên trong sử thi được tác giả dân gian gửi gắm qua hình tượng người anh hùng. Như chúng ta đã biết, buôn làng Tây Nguyên thời hoang dã trước đây, nhìn chung

tồn tại cô lập giữa núi rừng, một bên là sự vây bọc của thiên nhiên hoang sơ và dữ dội với một bên là các cộng đồng thường có những quan hệ thù nghịch. Các kẻ thù, dù đó là các thế lực thiên nhiên hay lực lượng xã hội cũng đều luôn rình rập, đe dọa cuộc sống hạnh phúc, thanh bình của cộng đồng. Do cuộc sống của người Tây Nguyên còn ở trình độ rất thấp, nên họ phải tập hợp lại thành một khối thống nhất nhằm bảo vệ quyền lợi và bảo vệ lãnh thổ của cộng đồng dưới sự chỉ huy của người thủ lĩnh, người anh hùng của họ. Người anh hùng ấy không phải là “cái tôi cá nhân” tách ra khỏi cộng đồng. Trong sử thi Tây Nguyên, các cuộc chiến tranh chống lại những thế lực thù địch đều là các cuộc chiến tranh đem lại hạnh phúc, ấm no cho cộng đồng. Chính vì thế, người anh hùng của cộng đồng vào sử thi Tây Nguyên đều với biết bao sự kỳ vĩ, biết bao niềm tự hào và biết bao những ước mơ mà cả cộng đồng gửi gắm. Người anh hùng đó luôn hiện lên với sự hoàn thiện đến mức lý tưởng. Các cuộc giao đấu quyết liệt của người anh hùng với các Mtao thù địch chính là sự ghi nhận “một cách nghệ thuật và bằng nghệ thuật” các cuộc đấu tranh sinh tồn của con người giữa núi rừng Tây Nguyên. Những Mtao thù địch là “hung thần” của buôn làng. Dù có chiến thắng thì chiến thắng đó của kẻ thù cũng chỉ mang tính chất tạm thời. Chẳng hạn, trong sử thi *Đam Xăn*, Mtao Mxây có lúc đẩy Đam Xăn vào thế bẽ tắc, hiểm nguy, nhưng rốt cuộc hãn cũng bị chặt đầu đem bêu ngoài đường. Đó là chiến thắng của một tập thể, một cộng đồng có sức sống bền bỉ, có sức mạnh hòa hợp. Cuộc chiến của người anh hùng là sự phản ánh bằng hình tượng nghệ thuật cuộc chiến của lịch sử. Ở đó mọi thành viên trong buôn làng là thành viên của tập thể; buôn làng có trách nhiệm bảo vệ danh dự, uy tín, sinh mệnh, chống lại sự xúc phạm của kẻ khác. Nếu một người bị xúc phạm hoặc bị đe dọa, thì cả buôn làng sẽ vào can thiệp và nếu cần thì sẵn sàng đổ máu để bảo vệ thành viên đó. Trong các cuộc chiến đấu của

người anh hùng chống lại các tù trưởng độc ác, chống lại các thế lực thiên nhiên khác thì đều luôn có nhân dân (các dũng sĩ anh hùng, các tội tớ) cùng tham gia. Sự gắn bó hài hòa giữa số phận người anh hùng với số phận cộng đồng chính là sức mạnh làm nên chiến thắng trước kẻ thù. Mỗi quan hệ giữa cộng đồng buôn làng và người anh hùng luôn là mối quan hệ tốt đẹp. Người dân Tây Nguyên xây dựng nên nhân vật anh hùng trong các sử thi của mình, gửi gắm những ước mơ của mình thông qua họ, vì vậy, lý tưởng của người anh hùng cũng như mục đích chiến đấu của người anh hùng cũng chính là lý tưởng của cả cộng đồng; người anh hùng chiến đấu không chỉ vì cá nhân, mà còn vì cộng đồng. Trong xung đột giữa các buôn làng Tây Nguyên, cư dân hai bên không phải là đối tượng *bị tiêu diệt*, mà là đối tượng *để thu phục*. Khi người thủ lĩnh chết, những cư dân trở thành thành viên mới của cộng đồng chiến thắng. Cư dân của cả bên thắng lẫn bên bại cố kết với nhau để đem lại sự thịnh vượng chung.

Chiến tranh và những hoạt động của con người xoay quanh chiến tranh là vấn đề bao trùm của sử thi. Nhà nghiên cứu sử thi Việt Nam Võ Quang Nhơn khẳng định rằng, “âm điệu chính nổi lên trong các sử thi anh hùng ca là ca ngợi các nhân vật anh hùng đã chiến thắng oanh liệt các loại tù trưởng thù địch, bảo vệ cuộc sống thanh bình của cả cộng đồng và bảo vệ hạnh phúc bị tước đoạt”¹⁴. Lý tưởng của người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên đơn giản và thuần phác là đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho cộng đồng. Mặc dù các cuộc chiến tranh đó bao giờ cũng được khoác lên một danh nghĩa khác. Đó là những cuộc chiến tự vệ, trả thù, nổi bật lên là cuộc chiến liên quan đến phụ nữ, như bảo vệ người đẹp hay giành lại vợ. Chẳng hạn, trong *Sử thi Đam Xăn*, người anh hùng Đam Xăn chiến đấu với các Mtao để giành lại vợ, anh em Đăm Di (*Sử thi Đăm Di*) phải đánh nhiều tù trưởng, những kẻ “guom dài dai sức” như Đăm Chút, Đăm

Chét... để giành lại nàng Hbia Plao. Theo Phan Đăng Nhật, thì việc “giành lại được người vợ của tù trưởng trong chế độ mẫu hệ là bảo vệ danh dự, uy tín và quyền lực của cộng đồng”¹⁵. Còn theo Phan Thị Hồng, “khả năng hơn người của người anh hùng, con người đầy dũng khí là lấy được nhiều vợ hơn tất cả. Đúng hơn, lấy được nhiều vợ, nghĩa là anh ta đang thắng lợi, cộng đồng anh ta đang hùng cường”¹⁶. Điều này liên quan đến lịch sử - xã hội Tây Nguyên xưa. Vùng đất này luôn xảy ra tranh chấp, xung đột, người anh hùng gánh vác sứ mệnh bảo vệ cộng đồng, coi hôn nhân là phương thức liên minh, là cách đơn giản mà hiệu quả nhất để tăng cường sức mạnh cho cộng đồng. Chiến tranh trong sử thi Tây Nguyên là những cuộc chiến vì sự sống còn và hạnh phúc của cộng đồng. Mặt khác, xã hội Tây Nguyên xưa là xã hội mẫu hệ (theo dòng mẹ, con cái mang họ mẹ, vợ chồng cư trú phía nhà mẹ vợ). Người đàn bà là rường cột của xã hội ấy. Bà là nền tảng sự ổn định của xã hội. “Vương quốc” của bà là ở trong làng, ở đó có cuộc sống bình yên, ngược lại với rừng – nơi người con trai thể hiện vai trò của mình. Như vậy, người đàn bà là đại diện của buôn làng, là xã hội thu nhỏ. Cho nên, ở hầu hết các sử thi Tây Nguyên, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy người anh hùng trong các cuộc chinh phục đều ra sức đi tìm người phụ nữ với thiên hình vạn trạng của mình.

Mặc dù khoác trên mình một danh nghĩa khác như đã nói trên, nhưng không có nghĩa chiến tranh trong sử thi Tây Nguyên chỉ là vì bảo vệ người đẹp hay giành lại vợ, mà mục đích chính của các cuộc chiến tranh ấy là vì danh dự, vì uy tín của cộng đồng, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho cả cộng đồng. Cho nên, người anh hùng chính là biểu hiện sức mạnh của cả cộng đồng, lý tưởng của người anh hùng không tách khỏi cộng đồng, mà luôn gắn với cộng đồng và vì vậy mục đích của người anh hùng cũng không phải là vì thỏa mãn cá nhân, mà cuối cùng cũng là vì cộng đồng.

Tóm lại, qua các áng sử thi của mình, các dân tộc Tây Nguyên xưa nói riêng đã kín đáo gửi cho con cháu muôn đời các triết lý sống sâu sắc. “Ở hiền gặp lành”, “ở ác gặp ác”, kẻ gây điều ác ắt sẽ bị trừng trị và cuộc sống dù có khó khăn, gian khổ đến mấy chẳng nữa cũng phải luôn luôn có niềm tin, ý chí, nghị lực vượt mọi khó khăn, không dễ dàng tự bằng lòng với những gì đang có, mà phải biết vươn đến những ước mơ cao đẹp hơn. Đó là chân lý của cuộc sống và cũng là triết lý mang nhiều yếu tố duy vật và biện chứng mà người xưa đã rút ra, gửi gắm lại trong kho tàng sử thi Tây Nguyên. Khi tiếp cận sử thi Tây Nguyên, chúng ta cần xuất phát từ nhiều hướng, nhiều góc nhìn khác nhau. Bởi vì, bất cứ một sáng tác dân gian nào cũng có mối quan hệ khăng khít, gắn bó với đời sống phong phú, đa dạng của nhân dân, của dân tộc. Sự hiểu biết đầy đủ về đời sống văn hóa, xã hội Tây Nguyên sẽ giúp ta cảm thụ các tác phẩm sử thi sâu sắc hơn♦

Chú thích

1. Hồ Sỹ Quý, 2004. *Bí ẩn châu Á trong tám gương triết học châu Á*, Tạp chí *Triết học*, số 6, tr.37.
2. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.422.
3. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. tr. 423.
4. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.400.
5. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.550.
6. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.609.
7. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.547.
8. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.554.
9. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.366.
10. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.535.
11. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.464.
12. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.403.
13. Lê Kiến Cầu, 2008. *Triết lý nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.53.
14. Võ Quang Nhơn, 1997. *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, Nxb. Giáo dục, tr.55.
16. Phan Đăng Nhật, 1991. *Sử thi Êđê*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. tr.110.
16. Phan Thị Hồng, 2006. *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.75.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Kiến Cầu, 2008. *Triết lý nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Phan Thị Hồng, 2006. *Nhóm sử thi dân tộc Bahnar*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Phan Đăng Nhật, 1991. *Sử thi Êđê*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Võ Quang Nhơn, 1997. *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, Nxb. Giáo dục.
5. Hồ Sỹ Quý, 2004. *Bí ẩn châu Á trong tám gương triết học châu Á*, Tạp chí *Triết học*, số 6, tr.37.
6. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2005. *Kho tàng sử thi Tây Nguyên, Sử thi Bana, Giông, Giờ mờ cõi từ nhỏ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.